

Bản án số: 24/2025/HS-ST
Ngày: 30/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đình Tài; ông Nguyễn Ngọc Tính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên – Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Cẩm Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2025/TLST-HS, ngày 21 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HS, ngày 02 tháng 4 năm 2025; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/TB-TA ngày 09 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐ-ST ngày 22 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐ-ST ngày 20 tháng 5 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Trương Văn N; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 17 tháng 4 năm 2001, tại xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; thẻ CCCD số 038201024214; Con ông: Trương Văn T, sinh năm 1975; Con bà: Hà Thị C, sinh năm: 1974; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/12/2024, tạm giam từ ngày 22/12/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực C. Bị cáo có mặt.

2. Bùi Đức T1; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 18 tháng 4 năm 2004, tại xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; thẻ CCCD số 038204031015; Con ông: Bùi Văn T2, sinh năm 1976; Con bà: Hà Thị H, sinh năm 1979; Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/12/2024, tạm giam từ ngày 22/12/2024.

Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực C. Bị cáo có mặt.

Người làm chứng: Bà Hà Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 12/12/2024, sau khi ăn cơm, uống rượu tại đám cưới của gia đình Bùi Đức T1. Bùi Đức T1 và Trương Văn N rủ nhau đi chơi. T1 lấy xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE Alpha màu vàng, đen biển số 36G1-346.68 để đi. Do đã có rượu trong người nên N rủ T1 đi tìm mua ma túy về để sử dụng. T1 mượn điện thoại di động của N gọi vào số thuê bao 0373.391.300 của một người tên “P” người ở Tổ dân phố L, thị trấn P, huyện C để hỏi mua ma túy nhưng không liên lạc được nên T1 xóa lịch sử cuộc gọi và trả lại điện thoại cho N. Do trước đây T1 đã nghe người tên “P” nói ở khu vực Quốc lộ B thuộc Tổ dân phố Đ, thị trấn P, cách ngã tư đèn xanh đèn đỏ khoảng 300m về phía chùa C1 có người bán ma túy Heroine nên T1 bảo N điều khiển xe chở T1 đi đến khu vực này để tìm mua ma túy. Trên đường đi, N đưa cho T1 500.000đ để mua ma túy. Khi đi đến nơi, N và T1 thấy một người đàn ông khoảng 30 tuổi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS không có biển số, T1 đi đến hỏi mua ma túy thì người này bảo T1 đưa tiền trước và cầm tiền đi vào trong đường làng. Khoảng 10 phút sau, người này quay lại đưa cho T1 một gói ma túy Heroine. Mua được ma túy, N điều khiển xe chở T1 quay về theo đường cũ, trên đường về, N nói với T1 tìm địa điểm để sử dụng ma túy. Lúc này, vừa đi đến khu vực bãi đá, phía trong có các chuồng lợn bỏ hoang ở bên trái đường thuộc địa phận Tổ dân phố Đ, thị trấn P nên T1 bảo N đi vào. N để xe mô tô phía ngoài bãi đá rồi cả hai đi vào chuồng lợn bỏ hoang phía trong cùng bên phải. N ngồi quay mặt về phía đường Quốc lộ 217 lấy giấy bạc và bật lửa có sẵn trong túi quần ra, T1 ngồi đối diện mở gói ma túy vừa mua được đổ vào giấy bạc, sau đó N dùng bật lửa đốt phía dưới giấy bạc cho ma túy tan chảy bốc khói trắng lên rồi dùng miệng hút khói vào cơ thể. Hút được một khói Nam đưa giấy bạc có ma túy cho T1 để T1 dùng bật lửa đốt và hút tương tự như mình. Cứ lần lượt như thế, Nam hút được ba khói, T1 hút được hai khói thì hết ma túy. Sau khi sử dụng xong, Nam vo mảnh giấy bạc vứt ra khu vực cửa chuồng lợn rồi cả hai cùng nhau đi về. Đến ngày 13/12/2024 nhận thức được hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của mình là vi phạm pháp luật, Bùi Đức T1 và Trương Văn N đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tự thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận giám định số 9843/KL-KTHS ngày 24/12/2024 của V Bộ C2 kết luận: *Tìm thấy các sản phẩm chuyển hoá của chất ma túy Heroine (Heroin) trong các mẫu nước tiểu ký hiệu N1 và T1 gửi giám định.*

Tại bản kết luận giám định số 281/KL-KTHS ngày 06/01/2025 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: *Tìm thấy chất ma túy, loại Heroine bám dính trên mảnh giấy bạc của phong bì ký hiệu B niêm phong gửi giám định.*

Tại bản Cáo trạng số 23/CT-VKS-CT, ngày 21/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy truy tố bị cáo Trương Văn N và Bùi Đức T1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố. Xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 47; Điều 58 Bộ luật hình sự. Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật TTHS; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên bố các bị cáo Trương Văn N và Bùi Đức T1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với mỗi bị cáo từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về vật chứng và xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 03 phong bì niêm phong có chứa mẫu vật đã giám định và que test nhanh ma túy của hai bị cáo; Trả lại cho bị cáo Trương Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS màu đen, bên trong lắp sim ghi số 898408100.08749552838. Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người làm chứng, tang vật thu được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Vào chiều ngày 12/12/2024, Trương Văn N và Bùi Đức T1 đã có hành vi cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dạng Heroine tại khu vực chuồng lợn bỏ hoang thuộc Tổ dân phố Đ, thị trấn P, huyện C. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản

1 Điều 255 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.1]. Về nguồn gốc ma túy, bị cáo khai mua ngày 12/12/2024 của một người đàn ông tại khu vực Quốc lộ B, thuộc Tổ dân phố Đ, thị trấn P. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tiến hành xác minh nhưng do không có thông tin cụ thể về đối tượng nên không đủ căn cứ để xác định đối tượng, không có cơ sở điều tra mở rộng vụ án.

[3]. Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các nguyên tắc quản lý, sử dụng chất gây nghiện do Nhà nước độc quyền quản lý, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội, là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Các bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do đó, việc lên mức hình phạt thật nghiêm khắc đối với các bị cáo là cần thiết.

[4]. Xét vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do nhất thời, không có sự chuẩn bị, phân công bàn bạc từ trước. Bị cáo N là người khởi sự, rủ bị cáo T1 cùng đi mua ma túy và đưa tiền cho bị cáo T1 mua ma túy để cùng nhau sử dụng. Đồng thời bị cáo N là chuẩn bị công cụ phương tiện và cùng với bị cáo T1 tìm địa điểm để sử dụng ma túy. Do đó, bị cáo N có vai trò chính trong vụ án, bị cáo T1 là người giúp sức, thực hành tích cực, nên có vai trò thứ hai.

[5]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi phạm tội đã tự nguyện tự thú. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 điều 51 BLHS.

[5.2]. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6]. Về hình phạt chính: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo giáo dục các bị cáo cũng như nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa tội phạm chung.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có công ăn việc làm, thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8]. Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- 01 (một) phong bì do Phòng K Công an tỉnh T phát hành bên trong có chứa mẫu vật đã qua giám định; 02 phong bì do Phòng K Công an tỉnh T phát hành niêm phong có ký hiệu “T2”, “N2” chứa que test nhanh ma túy của Bùi Đức T1 và Trương Văn N là vật chứng các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và tài sản không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS màu đen, bên trong lắp sim ghi số 898408100.08749552838 thu của Trương Văn N, bị cáo Trung mượn để gọi mua ma túy nhưng không gọi được. Do đó không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo N.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, WAVE ANPHA màu vàng, đen biển số 36G1-346.68, quá trình điều tra xác định đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Hà Thị H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại cho bà Hà Thị H đảm bảo quy định của pháp luật nên không xem xét.

- Đối với chiếc bật lửa là công cụ phạm tội của các bị cáo, quá trình điều tra xác định sau khi thực hiện hành vi phạm tội, N mang bật lửa về đám cưới và không biết ai đã sử dụng, không thu giữ được nên không có căn cứ để xử lý.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 47; Điều 58 Bộ luật hình sự. Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật TTHS; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên bố các bị cáo Trương Văn N và Bùi Đức T1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trương Văn N 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2024.

Xử phạt bị cáo Bùi Đức T1 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo.

2. Về tang vật của vụ án:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng K, Công an tỉnh T phát hành, được niêm phong theo quy định, bên trong có mẫu vật (Giấy bạc) đã qua giám định; 01 (Một) phong bì niêm phong ký hiệu “T2”, bên trong chứa que test nhanh chất ma túy trong nước tiểu của Bùi Đức T1; 01 (Một) phong bì niêm phong ký hiệu “N2”, bên trong chứa que test nhanh chất ma túy trong nước tiểu của Trương Văn N;

Trả lại cho bị cáo Trương Văn N 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS màu đen, bên trong lắp 01 sim, trên sim có dãy số 898408100.08749552838, số thuê bao 0876934439.

3. Về án phí: Bị cáo Trương Văn N, Bùi Đức T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND H. Cẩm Thủy;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp;
- CQĐT Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Cẩm Thủy;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Dung